

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK MIL
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2021/DS-ST.
Ngày: 23-4-2021.
V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hạnh

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Tịnh, ông Nguyễn Duy Chấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Mil tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Văn Cường- Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 295/2020/TLST-DS, ngày 28 tháng 10 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2020/QĐXXST-DS, ngày 05 tháng 03 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2021/QĐST-DS, ngày 23 tháng 03 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2021/QĐST-DS, ngày 08 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

**/ Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP Đ VN; Địa chỉ: Tháp BIDV 35 HV, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thế H – Giám đốc Phòng giao dịch Đắc Mil thuộc Ngân hàng TMCP Đ VN, chi nhánh Đắc Nông (Có mặt)

**/ Bị đơn:* Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1988; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn 5, xã R, huyện M, tỉnh Đắc Nông (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Theo đơn khởi kiện ngày 31 tháng 8 năm 2020 và lời khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trong quá trình giải quyết, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm ông Nguyễn Thế H trình bày:

Ngày 07/9/2018, anh Nguyễn Đức T ký hợp đồng tín dụng số 01/2018/11494792/HĐTD với Ngân hàng TMCP Đ VN – Chi nhánh Đắc Nông

– Phòng giao dịch Đắk Mil với các nội dung sau: Số tiền vay là 650.000.000 đồng, thời hạn vay là 11 tháng, thời điểm trả hết nợ là ngày 07/8/2019, lãi suất cho vay là 10,5%/năm trong 03 tháng đầu sau khi giải ngân và được điều chỉnh ngày đầu tiên hàng quy theo mức lãi suất niêm yết của BIDV Đắk Nông thông báo tại thời điểm điều chỉnh, lãi suất nợ quá hạn áp dụng với nợ gốc là 150% lãi suất cho vay trong hạn.

Để bảo đảm cho khoản vay, anh Nguyễn Đức T đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 05, bản đồ số 05-2014, tọa lạc tại xã M, huyện M, tỉnh Đắk Nông và thửa đất số 20, 22 tờ bản đồ số 114 tọa lạc tại xã R, huyện M, tỉnh Đắk Nông theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2018/11494792/HĐTC ngày 05/9/2018 được công chứng tại Văn phòng công chứng Vũ Minh Vững số 9491 quyền số 05 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 06/9/2018 và được đăng ký thế chấp tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện M. Khi đến hạn trả nợ (ngày 07/8/2019) anh Nguyễn Đức T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng chuyển toàn bộ số nợ của anh Nguyễn Đức T sang nợ quá hạn.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Thế H đề nghị Hội đồng xét xử buộc anh Nguyễn Đức T phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền tính đến ngày xét xử 23/4/2021 của hợp đồng tín dụng số 01/2018/11494792/HĐTD ngày 07/9/2018 là: 836.144.863 đồng, trong đó nợ gốc là: 650.000.000 đồng, lãi trong hạn là 10.845.206 đồng, lãi quá hạn là 175.299.657 đồng. Anh Nguyễn Đức T phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh tính từ ngày 24/4/2021 cho đến khi thanh toán xong nợ theo hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết. Trường hợp anh Nguyễn Đức T không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện không đầy đủ thì yêu cầu xử lý đối với các tài sản đã thế chấp.

2. Đối với bị đơn anh Nguyễn Đức T: Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Đức T nhưng anh Nguyễn Đức T đều vắng mặt tại các buổi làm việc, không đến Tòa án, không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh hoặc có yêu cầu phản tố với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147, 157, 180, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 299, 317, 318, 319, 320, 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 3, 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 13 Thông tư số 39/2016 ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức

tín dụng; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn anh Nguyễn Đức T phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ VN tổng số tiền tính đến ngày 23/4/2021 là: 836.144.863đ (*Tám trăm ba sáu triệu, một trăm bốn mươi bốn nghìn, tám trăm sáu mươi ba đồng*), trong đó nợ gốc: 650.000.000đ (*Sáu trăm năm mươi triệu đồng*), lãi trong hạn: 10.845.206đ (*Mười triệu tám trăm bốn mươi lăm nghìn, hai trăm lẻ sáu đồng*), lãi quá hạn: 175.299.657đ (*Một trăm bảy mươi lăm triệu, hai trăm chín mươi chín nghìn, sáu trăm năm mươi bảy đồng*) và lãi suất phát sinh cho đến khi thanh toán xong nợ theo Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa hai bên. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong khoản tiền nợ gốc, bị đơn còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận, nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật. Trường hợp anh Nguyễn Đức T không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án xử lý tài sản thế chấp để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

- Về chi phí xem xét thẩm định: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 6.000.000 đồng đã nộp trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án.

- Về lệ phí: Nguyên đơn nộp chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng số tiền 5.000.000 đồng.

- Về án phí: Bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật, trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

1. Về tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo xác định đây là quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thời hiệu khởi kiện: Vụ án còn trong thời hiệu khởi kiện

- Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Nguyễn Đức T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn 5, xã R, huyện M, tỉnh Đắk Nông thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil theo khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của bị đơn: Kết quả xác minh tại Công an xã R, huyện M thể hiện: Anh Nguyễn Đức T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn 5, xã R, huyện M, tỉnh Đắk Nông tuy nhiên anh Nguyễn Đức T không có mặt tại địa

phương mà không rõ thời điểm trở về hoặc không rõ địa chỉ nơi cư trú mới vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil đã làm thủ tục thông báo ấn định thời gian làm việc đối với anh Nguyễn Đức T trên Báo công lý các số 10, 11, 12 ra các ngày 02, 05/02/2021 và ngày 09/3/2021; trên Đài tiếng nói Việt Nam phát sóng lúc 17h50-18h00 các ngày 01, 02, 03/02/2021 nhưng anh Nguyễn Đức T đều không có thông tin gì. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao, để tiến hành giải quyết, xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Đức T là đúng quy định.

2. Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về hợp đồng tín dụng:

Theo hợp đồng tín dụng số: 01/2018/11494792/HĐTD ngày 07/9/2018 giữa anh Nguyễn Đức T và Ngân hàng TMCP Đ VN thể hiện: Số tiền vay: 650.000.000đồng, thời hạn vay là 11 tháng, thời điểm trả hết nợ là ngày 07/8/2019, lãi suất cho vay là 10,5%/năm trong 03 tháng đầu sau khi giải ngân và được điều chỉnh ngày đầu tiên hàng quy theo mức lãi suất niêm yết của BIDV Đăk Nông thông báo tại thời điểm điều chỉnh, lãi suất nợ quá hạn áp dụng với nợ gốc là 150% lãi suất cho vay trong hạn. Thời hạn trả nợ là ngày 07/8/2019, phương thức trả nợ: Bên vay trả toàn bộ dư nợ gốc của khoản vay vào ngày đáo hạn của hợp đồng. Như vậy, việc giao kết hợp đồng tín dụng giữa các bên là có thật, nội dung thỏa thuận trong hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật.

Ngày 07/8/2019, khi đến hạn trả nợ theo thỏa thuận nhưng anh Nguyễn Đức T không thực hiện nghĩa vụ trả tiền là vi phạm Điều 7 của hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết, vi phạm Điều 466 của Bộ luật Dân sự do đó Ngân hàng TMCP Đ VN khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Đức T phải thanh toán số nợ gốc là có căn cứ, cần chấp nhận, buộc bị đơn phải thanh toán số nợ gốc là: 650.000.000 đồng (*Sáu trăm năm mươi triệu đồng*).

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về lãi suất, Hội đồng xét xử xét thấy: Nội dung thỏa thuận về lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn giữa Ngân hàng TMCP Đ VN và anh Nguyễn Đức T theo hợp đồng tín dụng, điều khoản và điều kiện vay đính kèm theo hợp đồng tín dụng là phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc cho vay của các tổ chức tín dụng tại Điều 3, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 13 Thông tư số 39/2016 ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; phù hợp với các quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ Luật dân sự, do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn tính đến ngày xét xử ngày 23/4/2021, cụ thể: lãi trong hạn và lãi quá hạn là 186.144.863 đồng (trong đó lãi trong hạn từ ngày 07/9/2018 đến ngày 07/8/2019 là 62.453.425 đồng đã trả được 52.644.239 đồng còn nợ lại là 10.845.206 đồng;

lãi quá hạn từ ngày 08/8/2019 đến ngày 23/4/2021 là 175.299.657 đồng). Anh Nguyễn Đức T phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn do các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng kể từ ngày 24/4/2021 cho đến khi trả xong nợ.

[2.2] Đối với tài sản thế chấp:

[2.2.1] Hiệu lực của hợp đồng thế chấp:

Để bảo đảm cho khoản vay, anh Nguyễn Đức T đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 05, bản đồ số 05-2014, tọa lạc tại xã M, huyện M, tỉnh Đắk Nông và thửa đất số 20, 22 tờ bản đồ số 114 tọa lạc tại xã R, huyện M, tỉnh Đắk Nông theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2018/11494792/HĐTC ngày 05/9/2018 được công chứng tại Văn phòng công chứng Vũ Minh Vững số 9491 quyền số 05 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 06/9/2018 và được đăng ký thế chấp tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện M. Hợp đồng thế chấp được lập đúng hình thức, nội dung và có đăng ký giao dịch đảm bảo theo quy định pháp luật nên có hiệu lực pháp luật.

[2.2.2] Về tài sản thế chấp: Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ trong các ngày 01, 02/03/2021 xác định thửa đất số 05, bản đồ số 05-2014, tọa lạc tại xã M, huyện M, tỉnh Đắk Nông và thửa đất số 20, 22 tờ bản đồ số 114 tọa lạc tại xã R, huyện M, tỉnh Đắk Nông trên bản đồ giải thửa, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và trên thực tế là phù hợp, đúng vị trí.

3. Đối với anh Nguyễn Đức T, mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần (đã tiến hành thông báo, niêm yết theo đúng quy định của pháp luật) và đã được thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng nhưng không có thông tin, không đến Tòa án làm việc; không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên phải chịu hậu quả về việc không đưa ra chứng cứ để chứng minh theo khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự.

4. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chi toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

5. Về các chi phí tố tụng khác:

- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên anh Nguyễn Đức T có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Đ VN, chi nhánh Đắk Nông, phòng giao dịch Đắk Mil số tiền 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) chi phí xem xét thẩm định do Ngân hàng TMCP Đ VN, chi nhánh Đắk Nông, phòng giao dịch Đắk Mil đã nộp tạm ứng trong quá trình giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về chi phí đăng tin: Nguyên đơn phải chịu số tiền 5.000.000 đồng chi phí xác minh, đăng tin theo Điều 180 của Bộ luật tố tụng dân sự được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp. Nguyên đơn đã thực hiện xong nghĩa vụ này.

Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tại phiên toà là có căn cứ, Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147, 157, 180, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 299, 317, 318, 319, 320, 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 3, 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 13 Thông tư số 39/2016 ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ VN đối với bị đơn anh Nguyễn Đức T.

1. Buộc anh Nguyễn Đức T phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ VN tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 23/4/2021) là: 836.144.863đ (*Tám trăm ba sáu triệu, một trăm bốn mươi bốn nghìn, tám trăm sáu mươi ba đồng*), trong đó nợ gốc: 650.000.000đ (*Sáu trăm năm mươi triệu đồng*), lãi trong hạn: 10.845.206đ (*Mười triệu tám trăm bốn mươi lăm nghìn, hai trăm lẻ sáu đồng*), lãi quá hạn: 175.299.657đ (*Một trăm bảy mươi lăm triệu, hai trăm chín mươi chín nghìn, sáu trăm năm mươi bảy đồng*)

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 24/4/2021) anh Nguyễn Đức T phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất được thỏa thuận tại hợp đồng cho vay và giấy nhận nợ cho đến khi trả xong nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Trường hợp anh Nguyễn Đức T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 05, bản đồ số 05-2014, tọa lạc tại xã M, huyện M, tỉnh Đắk Nông và thửa đất số 20, 22 tờ bản đồ số 114 tọa lạc tại xã R, huyện M, tỉnh Đắk Nông để thu hồi nợ.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Đức T phải nộp 37.084.000đ (*Ba mươi bảy triệu, không trăm tám tư nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Đ VN, chi nhánh Đắk Nông số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 17.365.000 (*Mười bảy triệu ba trăm sáu mươi lăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0003613 ngày 08/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

4. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Anh Nguyễn Đức T có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Đ VN, chi nhánh Đắk Nông, phòng giao dịch Đắk Mil số tiền 6.000.000đ (*Sáu triệu đồng*) chi phí xem xét thẩm định do Ngân hàng TMCP Đ VN, chi nhánh Đắk Nông, phòng giao dịch Đắk Mil đã nộp tạm ứng trong quá trình giải quyết vụ án.

5. Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng với số tiền 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*), Nguyên đơn phải chịu (đã nộp trong quá trình giải quyết vụ án).

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày tròn kể từ ngày tuyên án; Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil;
- THADS huyện M;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thế Hạnh